

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HS-PT
Ngày: 24 – 5 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Thu

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Liên

Bà Võ Bích Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Cần – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Chi Lăng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 48/2021/TLPT-HS ngày 07 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo Huỳnh Thị Kim N và Trần Thị L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2021/HSST ngày 26/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Huỳnh Thị Kim N**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: ấp L, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Đoàn H và bà Lê Thị Kim L; có chồng Phan Kim N1 và 04 người con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại; *Vắng mặt.*

2. **Trần Thị L**, sinh năm 1967; Nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện P, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C (chết) và bà Lê Thị Ú (chết); có chồng Dương Minh H; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại; *Có mặt.*

Trong vụ án còn có bị cáo Trần Thị Hồng D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 45 phút ngày 28/11/2019, lực lượng Cảnh sát hình sự Công an huyện P tiến hành kiểm tra tại nhà của bị cáo Trần Thị L thuộc ấp P, xã A, huyện P, thành phố Cần Thơ phát hiện bị cáo L đang thực hiện hành vi tổng hợp phôi số đề và giao phôi với số tiền 216.000 đồng cho bị cáo Huỳnh Thị Kim N nên tiến hành lập biên bản và thu giữ vật chứng. Đến 16 giờ 15 phút cùng ngày, tiếp tục tiến hành kiểm tra đối với bị cáo Huỳnh Thị Kim N tại ấp L, thị trấn P, huyện P thu giữ hai điện thoại di động, trong đó một điện thoại sử dụng để giao nhận phôi đề và một điện thoại có chứa dữ liệu ghi âm liên quan đến giao nhận phôi số đề. Điều tra mở rộng phát hiện bị cáo N giao phôi số đề lại cho bị cáo Trần Thị Hồng D.

Quá trình điều tra làm rõ được như sau:

Bị cáo L có quen biết bị cáo N ngoài xã hội, bị cáo N là người đề nghị bị cáo L khi bán vé số kiến thiết nếu có người mua số đề theo kết quả xổ số đài Miền Nam thì bán và giao phôi lại cho bị cáo N để hưởng chênh lệch. Bắt đầu từ khoảng tháng 09/2019, bị cáo L sử dụng xe đạp đi bán vé số và bán số đề trực tiếp hoặc qua số điện thoại di động 0939330498 với người mua số đề.

Bị cáo L tính tiền bán số đề với người mua như sau: Đối với số đầu, số đuôi thì bị cáo L lấy 80% trên tổng số tiền của người bỏ ra mua, tức là mua 100.000 đồng thì trả cho bị cáo L 80.000 đồng; đối với bao lô hai con số thì bị cáo L lấy 14/18 lô, bao lô ba con số thì lấy 14/17 lô trên tổng số tiền của người bỏ ra mua, nghĩa là bao lô hai con số mỗi lô 1.000 đồng, 18 lô thành tiền là 18.000 đồng thì trả cho bị cáo L 14.000 đồng; còn bao lô ba con số, mỗi lô 1.000 đồng, 17 lô thành tiền là 17.000 đồng thì bị cáo L lấy 14.000 đồng. Tỷ lệ trúng đối với số đầu đuôi và số bao lô hai con số là 01 trúng 70; đối với bao lô ba con số thì tỷ lệ 01 trúng 600.

Sau khi tổng hợp phôi số đề, đến khoảng 15 giờ 30 phút hàng ngày, bị cáo L sử dụng điện thoại di động gắn số sim 0939330498 gọi điện vào số 0762892336 giao phôi cho bị cáo N. Bị cáo L và bị cáo N thỏa thuận như sau: đối với số đầu, đuôi thì bị cáo N lấy 75% trên tổng số tiền bị cáo L giao; đối với số bao lô hai con số và số bao lô ba con số thì bị cáo N lấy lần lượt là 13/18 lô và 13/17 lô trên tổng số tiền bị cáo L giao. Bị cáo L không bán số đề liên tục, những ngày có bán số đề thì L thu lợi bất chính từ việc hưởng chênh lệch khoảng 150.000 đồng. Sau khi tính thắng thua, ngày hôm sau bị cáo N trực tiếp đến bến đò P để chung chi cho bị cáo L.

Sau khi nhận phôi đề từ bị cáo L, bị cáo N sẽ tổng hợp phôi và giao lại cho bị cáo D qua số điện thoại 0908291568 để hưởng chênh lệch. Cách tính tiền giao nhận phôi số đề giữa bị cáo N và bị cáo D như sau: số đầu, số đuôi bị cáo D lấy 72% trên tổng số tiền phôi đề; số bao lô hai con số lấy 12,8/18 lô trên tổng số tiền phôi đề; đối với số bao lô ba con số, bị cáo D lấy 12,5/17 lô trên tổng số tiền phôi đề. Tỷ lệ trúng đối với số đầu đuôi và số bao lô hai con số là 01 trúng 70; đối với bao lô ba con số thì tỷ lệ 01 trúng 600.

** Ngày 28-11-2019 theo kết quả xổ số đài An Giang:*

Bị cáo L bán số đề cho 17 người, tổng số tiền thống kê trên 04 phôi đề là 9.088.000 đồng. Đã chứng minh được 12 người mua số đề gồm có: Lê Thị Anh T mua 3.600.000 đồng, Nguyễn Thị D1 mua 270.000 đồng, Nguyễn Thị N2 mua 300.000 đồng, Phạm Văn M mua 126.000 đồng, Lê Hồng P1 mua 360.000 đồng, Lê Văn C mua 303.000 đồng, Trần Phi H1 mua 404.000 đồng, Nguyễn Thị P2 mua 132.000 đồng, Lê Thị Ngọc M1 mua 522.000 đồng, Trần Kim B1 mua 216.000 đồng, Trần Văn T3 mua 108.000 đồng và Huỳnh Thị T4 mua 270.000 đồng. Tổng số tiền của 12 người mua số đề là 6.611.000 đồng. Bị cáo L đã nhận tiền của người mua số đề trong ngày là 1.560.000 đồng.

Khi bị cáo L đang đọc giao phôi đề cho bị cáo N thì bị cáo L bị Công an kiểm tra nên bị cáo N tắt điện thoại. Do đó, không đủ cơ sở để khởi tố bị cáo N về tội đánh bạc trong ngày 28/11/2019. Như vậy, tổng số tiền tổ chức đánh bạc của bị cáo L trong ngày 28/11/2019 là 9.088.000 đồng.

Khi điện thoại Nokia của bị cáo N có gắn sim số 0762892336 đang bị tạm giữ, lúc 19 giờ 19 phút ngày 28/11/2019 nhận được tin nhắn tính tiền trúng và tiền mua bán số đề, người gửi tin nhắn có ký hiệu là “C Dd” với số điện thoại là 0908291568 tổng số tiền số đầu, đuôi, bao lô hai con và bao lô ba con số là 4.392.000 đồng; tổng số tiền trúng lô đề là 1.760.000 đồng. Nguồn gốc phôi đề bị cáo N khai nhận là do trong nhà có đám giỗ, người dự đám giỗ gửi mua giùm không nhớ cụ thể của người nào và mua con số nào, bao nhiêu tiền, việc bán số đề này bị cáo giao trực tiếp qua điện thoại với bị cáo D, không có lưu lại phôi đề. Đối với bị cáo D khai nhận, thường xuyên sử dụng sim số 0908291568 và một sim Mobifone không nhớ rõ số điện thoại để giao nhận phôi đề với bị cáo N, sau khi biết bị cáo N bị bắt nên đã hủy phôi đề, điện thoại bị hư đã vứt bỏ nên không thể nhớ được các con số số đề đã nhận. Đối với nội dung tin nhắn này, chưa đủ căn cứ để xác định tội đánh bạc giữa bị cáo N và bị cáo D. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

* Qua kiểm tra điện thoại Oppo màu đỏ thu giữ tại nhà bị cáo N có 02 file ghi âm ngày 23/11/2019 và 04 file ghi âm ngày 24/11/2019 có chứa dữ liệu liên quan đến giao nhận phôi số đề, cụ thể:

- Ngày 23/11/2019 theo kết quả xỏ số đài Long An:

+ File ghi âm tên REC20191123175218.mp3, thời lượng 02 phút 28 giây, thể hiện: bị cáo N giao phôi số đề cho bị cáo D, thống kê phôi đề tổng số tiền là 2.429.000 đồng, tổng số tiền trúng số đề là 15.130.000 đồng. Vậy tổng số tiền đánh bạc giữa bị cáo N và bị cáo D là 17.559.000 đồng. Bị cáo N và bị cáo D đã chung chi tiền thắng thua.

+ File ghi âm tên REC20191123174419.mp3, thời lượng 52 giây, thể hiện: bị cáo N bán số đề cho một người phụ nữ có tên gọi là “cô Ba”, thống kê phôi đề tổng số tiền là 2.520.000 đồng, tổng số tiền trúng số đề là 1.050.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của bị cáo N với người được gọi là “cô Ba” là 3.570.000 đồng. Đối với người tên là “cô Ba” chưa xác định được họ tên đầy đủ, địa chỉ cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Qua kiểm tra đối chiếu 02 File ghi âm nêu trên thể hiện hai phôi số đề khác nhau. Như vậy, trong ngày 23/11/2019, bị cáo N tổ chức đánh bạc với số tiền là 21.129.000 đồng. Còn bị cáo D đánh bạc với số tiền là 17.559.000 đồng.

- Ngày 24/11/2019 theo kết quả xử số đài Kiên Giang:

+ File ghi âm REC20191124155654.mp3, thời lượng 05 phút 48 giây, thể hiện: bị cáo N giao phôi số đề cho bị cáo D với số tiền là 8.373.000 đồng, tổng số tiền trúng lô đề là 11.270.000 đồng. Tổng tiền theo phôi và tiền trúng số của File ghi âm này là 19.643.000 đồng. Bị cáo N và bị cáo D đã chung chi tiền thắng thua.

+ File ghi âm REC20191124160318.mp3, thời lượng 39 giây, thể hiện: bị cáo N giao phôi số đề cho bị cáo D, thống kê phôi đề tổng số tiền là 428.000 đồng, tổng số tiền trúng lô đề là 140.000 đồng. Tổng tiền theo phôi và tiền trúng số của File ghi âm này là 568.000 đồng. Bị cáo N và bị cáo D đã chung chi tiền thắng thua.

+ File ghi âm REC20191124161037.mp3, thời lượng 40 giây, thể hiện: bị cáo N giao phôi số đề cho bị cáo D với số tiền là 343.000 đồng, không có số trúng. Bị cáo N và bị cáo D đã nhận tiền bán số đề xong.

+ File ghi âm REC20191124155654.mp3, thời lượng 05 phút 48 giây, thể hiện: bị cáo L giao phôi số đề cho bị cáo N với số tiền là 924.000 đồng, tiền trúng lô đề là 700.000 đồng. Tổng tiền theo phôi và tiền trúng số File ghi âm này là 1.624.000 đồng. Bị cáo L và bị cáo N đã chung chi tiền thắng thua xong. Bị cáo L không nhớ được những con số đề trong file ghi âm này đã bán cho những ai, do phôi đề bị cáo L đã tiêu hủy sau khi chung chi xong.

+ 01 file ghi âm REC20191124154836.mp3, thời lượng 06 phút 31 giây, thể hiện: bị cáo L giao phôi số đề cho bị cáo N với số tiền là 12.885.000 đồng, số tiền trúng lô đề là 17.990.000 đồng. Tổng tiền theo phôi và tiền trúng số File ghi âm này là 30.875.000 đồng, bị cáo L và bị cáo N đã chung chi thắng thua. Bị cáo L không nhớ được những con số đề trong file ghi âm này đã bán cho những ai, do phôi đề bị cáo L đã tiêu hủy sau khi chung chi xong.

Như vậy, trong ngày 24/11/2019, bị cáo L giao cho bị cáo N tiền thu phôi và tiền trúng là 32.499.000đ nên bị cáo L và bị cáo N chịu trách nhiệm số tiền này. Bị cáo N giao lại cho bị cáo D tiền thu phôi và tiền trúng là 20.554.000đ nên bị cáo D chịu trách nhiệm số tiền này.

Tại kết luận giám định số 3447/C09B ngày 25/8/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, xác định: không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file ghi âm mẫu cần giám định. Tiếng nói của người nữ trong các file ghi âm REC20191123175218.mp3, REC20191124155654.mp3, file ghi âm REC20191124161037.mp3 và file ghi âm REC20191124160318.mp3 và tiếng nói của Trần Thị Hồng D trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

Đối với những người mua số đề của bị cáo L như: Lê Thị Anh T, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị N2, Phạm Văn M, Lê Hồng P1, Lê Văn C, Trần Phi H1,

Nguyễn Thị P2, Lê Thị Ngọc M1, Trần Kim B1, Trần Văn T3 và Huỳnh Thị T4, qua tra cứu chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến đánh bạc, tổ chức đánh bạc và số tiền đánh bạc không đủ định lượng để khởi tố nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với Lê Văn N3 chưa đủ cơ sở xử lý; đối với Ngô Thị Thu C3, Phạm Hoàng T4, Nguyễn Thanh G, Nguyễn Thị D3, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2021/HSST ngày 26/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị Kim N và bị cáo Trần Thị L phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị Kim N mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn phạt tù tính kể từ ngày chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo N số tiền 20.000.000đ (Hai chục triệu đồng).

- Áp dụng điểm a và c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Trần Thị L mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn phạt tù tính kể từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về hình phạt đối với 01 bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/3/2021, bị cáo Trần Thị L có đơn kháng cáo; ngày 12/3/2021, bị cáo Huỳnh Thị Kim N có đơn kháng cáo và cùng xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Huỳnh Thị Kim N vắng mặt.

Bị cáo Trần Thị L thừa nhận hành vi phạm tội và cho rằng do hoàn cảnh gia đình neo đơn nên giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà nhận định: Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ về tình tiết mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Huỳnh Thị Kim N, Trần Thị L kháng cáo trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thị Kim N vắng mặt.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án nhận được văn bản của Phan Tấn Thành

(là con của bị cáo N). Nội dung văn bản thể hiện đề nghị hoãn phiên tòa, lý do: bị cáo N đang chăm sóc con bệnh tại Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ (có bản photo thẻ bảo hiểm y tế của trẻ em Phan Kim Sang và số thứ tự khám bệnh vào ngày 22/5/2021). Như vậy, với sự việc con ốm/bệnh (nếu có) vào ngày 22/5 cho đến ngày mở phiên tòa (24/5), bị cáo N hoàn toàn có đủ thời gian để thực hiện viết đơn (trong trường hợp đề nghị hoãn phiên tòa) nên văn bản nêu trên không được xem là lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định:

Ngày 28/11/2019 theo kết quả xổ số đài An Giang, bị cáo Trần Thị L bán số đề cho 17 người, tổng số tiền thống kê trên 04 phoi đề là 9.088.000 đồng, trong đó có 12 người mua số đề đã làm rõ được. Hành vi của bị cáo L phát hiện trước khi có kết quả xổ số nên không tính số tiền trúng số của ngày này.

Ngày 24/11/2019 theo kết quả xổ số đài Kiên Giang, bị cáo L giao phoi cho bị cáo N với số tiền theo phoi là 13.809.000 đồng, tiền trúng lô đề là 18.690.000 đồng, cộng tiền theo phoi và trúng là 32.499.000 đồng.

Ngày 23/11/2019 theo kết quả xổ số đài Long An, bị cáo Huỳnh Thị Kim N giao phoi số đề cho bị cáo Trần Thị Hồng D số tiền theo phoi là 2.429.000 đồng và tiền trúng là 15.130.000 đồng, cộng tiền theo phoi và trúng là 17.559.000 đồng. *Riêng*, bị cáo N bán số đề cho người tên “cô Ba” mà không thể hiện giao phoi cho bị cáo D nên bị cáo N tự chịu trách nhiệm về phần này, thể hiện số tiền theo phoi đề là 2.520.000 đồng và tiền trúng là 1.050.000 đồng, cộng tiền theo phoi và trúng là 3.570.000 đồng. Như vậy, bị cáo N chịu trách nhiệm trên tổng số tiền là 21.129.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Huỳnh Thị Kim N tội “Tổ chức đánh bạc” với dấu hiệu định tội về “tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng một lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Thị L tội “Tổ chức đánh bạc” với dấu hiệu định tội về “Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên” và “tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng một lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên” theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Bị cáo Huỳnh Thị Kim N kháng cáo xin hưởng án treo, với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có con nhỏ sinh ngày 08/8/2017 và phạm tội do nhận thức pháp luật hạn chế.

Bị cáo Trần Thị L kháng cáo xin hưởng án treo, với lý do hoàn cảnh gia đình neo đơn, không có con, chồng bị bệnh nặng cần người trực tiếp chăm sóc.

Xét thấy: Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện. Các bị cáo đều được xem xét cho hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ về thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo L việc nộp tiền thu lợi bất chính còn được hưởng thêm tình tiết theo khoản 2 Điều 51. Nhưng, các bị cáo đều có 01 tình tiết tăng nặng về phạm tội 02 lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Nên các bị cáo thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Đối với bị cáo L, hành vi ghi số đề ngày 24/11/2019 với số tiền dùng đánh bạc là 32.499.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc”, nhưng chưa bị xử lý; đến ngày 28/11/2019 tiếp tục ghi số đề cho 17 người (đã làm rõ đối với 12 người) với số tiền dùng đánh bạc là 9.088.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc”. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định nhưng không áp dụng là thiếu sót, cần điều chỉnh.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe, có đầy đủ khả năng nhận thức việc tổ chức ghi số đề là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì lòng tham muốn hưởng lợi mà không bỏ sức lao động nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội trong nhiều ngày, với số tiền mỗi lần không nhỏ; ngoài ra, khi hành vi bị phát hiện, các bị cáo còn tiêu hủy các chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội thể hiện sự xem thường pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và gây ra các hệ lụy cuộc sống cho nhiều gia đình. Nên cần áp dụng một thời hạn tù nhất định và cách ly ra khỏi đời sống xã hội để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Trong khi, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện và đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ/tăng nặng để xử phạt 01 năm 06 tháng tù là tương xứng. Do đó, kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Huỳnh Thị Kim N, Trần Thị L.**

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị Kim N và bị cáo Trần Thị L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Căn cứ: Điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 58 và 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị Kim N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo N số tiền 20.000.000 đồng (Hai chục triệu đồng).

- Căn cứ: Điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 58 và 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ: khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Huỳnh Thị Kim N, Trần Thị L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- Cơ quan tố tụng H. P;
- Bị cáo,
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Trang Thu

CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**Trương Thị Liên****Võ Bích Hải****Nguyễn Thị Trang Thư**